TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Hạnh

Bà Mai Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1993, vắng mặt.

HKTT: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại chỉ hiện nay: B, Lorong L, 0 F, S.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 25/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Tôi (Lê Thị T) và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện; đăng ký kết hôn ngày 15/11/2017 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn chúng tôi có cuộc sống hòa thuận tại phố T, thị trấn S, huyện T. Đến năm 2019 thì tôi sang Singapore lao động. Đến giữa năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống, cũng như cách dạy con cái; vợ chồng mỗi người sống một nơi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung; hai bên nội ngoại đã

hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Vì vậy, tôi (T) làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11/3/2018. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Quỳnh A cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi có quyền thăm nom con. Tôi không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản và công nợ: Vợ chồng tôi không có tài sản chung cũng như không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 25/7/202424 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Tôi và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn ngày 15/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc tại địa chỉ khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 2019 thì chị T sang Singapore để lao động. Đến giữa năm 2022 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng chúng tôi có sự khác biệt nhau về quan điểm sống, cũng như cách nuôi dạy con, vợ chồng mỗi người ở một nơi dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng. Sau nhiều lần được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thể hàn gắn được. Nay, sau khi cân nhắc, suy nghĩ kỹ lưỡng và cảm thấy cuộc sống hôn nhân đã quá ngột ngạt, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Thị T.

Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11/03/2018; giới tính nữ. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Chị Lê Thị T được phép thăm nom và không ai được phép ngăn cản. Tôi tự nguyện không yêu cầu Tòa giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và giaxử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn H; giao cháu Nguyễn Quỳnh A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm làm đơn khởi kiện, chị Lê Thị T đang cư trú tại Singapore; anh Nguyễn Văn H cư trú tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/11/2017. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sống chung hạnh phúc. Đến giữa năm 2019 chị T sang Singapore lao động. Đến giữa năm 2022 tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị T và anh H đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống, cũng như cách dạy con cái; vợ chồng sống mỗi người sống một nơi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người ở mỗi nơi, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị T xác định tình cảm vợ không còn nên có nguyện vọng xin ly hôn anh H, anh H đồng ý ly hôn chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Lê Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11/3/2018. Hiện nay anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Hội đồng xét xử giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quỳnh A cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là phù phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Chị T và anh H đều có nguyện vọng không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử:

- Về hôn nhân*:* Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 11/3/2018; Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A; chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh H và chị T đều không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000^{đ} án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^{đ} chị đã nộp theo biên lai thu số 0000432 ngày 18/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hiệu